

Thứ tư, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Bật tăng trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/5/2021		•	
Tuần 17/5-21/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu giằng co quanh mốc tham chiếu trong hai tiếng đầu phiên nhưng sau đó đã tăng dần và đóng cửa tại trên ngưỡng 1260. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện nhẹ với 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái cân bằng với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể trở lại thử thách vùng kháng cự 1270-1280 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: DRC_Tích lũy ngắn hạn (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.81** điểm, đóng cửa **1262.49**. HNX-Index **+0.61** điểm, đóng cửa **295.25**.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+2.64); TCB (+1.67); CTG (+1.46); MSN (+1.15); VHM (+0.96)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.97); VJC (-0.4); VCB (-0.29); VRE (-0.21); GAS (-0.2)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,005 tỷ đồng**, **+0.96%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,593 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12.13 điểm. Thị trường có **183** mã tăng, 48 mã tham chiếu và **235** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-240.9** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-97.3 tỷ), VPB (-87.5 tỷ) và NVL (-60 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.59** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1262.49**
Giá trị: 20005.47 tỷ **9.81 (0.78%)**
Khối ngoại (ròng): -550.08 tỷ

HNX-INDEX **295.25**
Giá trị: 2917.46 tỷ **0.61 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -13.59 tỷ

UPCOM-INDEX **79.81**
Giá trị: 552 tỷ **-0.25 (-0.31%)**
Khối ngoại(ròng): 2.53 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.5	-1.59%
Giá vàng	1,866	-0.18%
Tỷ giá USD/VND	23,047	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	28,158	-0.09%
Tỷ giá JPY/VND	21,133	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	13.28%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-0.93%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	127.4	VNM	97.3
MSN	82.1	VPB	87.5
VHM	44.9	NVL	60.0
MBB	16.7	PLX	45.7
DGW	10.6	VCB	35.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.90	-0.90%	-1.79%	2.32%	77.08%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.12	-0.86%	-1.73%	2.50%	68.24%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	214.43	-0.77%	-0.77%	4.79%	85.24%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1867.84	-0.09%	2.87%	5.44%	7.95%		PNJ
Bạc	USD/ounce	28.09	-0.35%	3.93%	8.76%	57.20%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1572.25	-0.13%	-4.28%	9.45%	83.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	691.00	-1.00%	-5.31%	5.70%	30.38%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.48	-2.33%	-2.74%	-3.04%	13.37%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	227.05	-0.18%	-1.61%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.21	1.29%	-4.92%	3.86%	50.17%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	152.80	4.84%	1.80%	16.46%	33.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10405.00	0.31%	-0.53%	12.07%	94.30%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	857.97	-1.92%	-9.09%	9.19%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	918.19	-1.45%	-10.25%	10.54%			
Nhôm	USD/ton	2478.00	-0.84%	-1.71%	5.94%	66.09%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	190.45	-0.71%	-6.49%	22.83%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	99.55	1.37%	-1.44%	9.58%	60.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu giảm từ mức cao nhất hai tháng sau khi các báo cáo cho biết Mỹ và Iran đã đạt được tiến bộ trong việc khôi phục một thỏa thuận hạn chế phát triển vũ khí hạt nhân của quốc gia OPEC này, điều đó sẽ thúc đẩy nguồn cung dầu thô.

Giá vàng

• Giá vàng gần mức cao nhất trong 4 tháng trước khi giảm nhẹ do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng, USD yếu hơn và lo sợ lạm phát duy trì ở mức thấp.

• Vàng giao ngay cuối phiên tăng 0,1% lên 1.868,57 USD/ounce sau khi đạt mức cao nhất kể từ ngày 29/1 trong đầu phiên giao dịch này. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa tại 1.868 USD/ounce, gần như không đổi so với phiên trước.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt tại Trung Quốc đóng cửa tăng hơn 4% bởi lợi nhuận mạnh mẽ của các nhà máy, trong khi sản lượng thép thô cao kỷ lục cho thấy nhu cầu ổn định với thành phần sản xuất thép cũng thúc đẩy tâm lý.

• Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên trong phiên có lúc đạt mức tăng khoảng 5,5% lên 1.256 CNY (195,26 USD)/tấn trước khi đóng cửa tăng 4,3% lên 1.243 CNY/tấn.

• Hợp đồng thép thanh kỳ hạn tháng 10 tại Thượng Hải giảm 0,2% xuống 5.610 CNY/tấn. Thép không gỉ tăng 2,4% lên 15.645 CNY/tấn.

Giá cao su

• Giá cao su Nhật Bản tăng do lo lắng số các nhiễm Covid-19 bùng phát trở lại và những hạn chế mới tại các nước Đông Nam Á có thể làm gián đoạn nguồn cung từ các nhà sản xuất chính trong khu vực này.

• Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn Osaka đóng cửa tăng 1,6 JPY lên 247,8 JPY (2,3 USD)/kg.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 7,05 US cent hay 4,8% lên 1,528 USD/lb, hướng tới mức cao nhất 4 năm tại 1,554 USD/lb đã đạt được vào đầu tháng này.

• Hầu hết xuất khẩu cà phê arabica của Colombia vẫn bị chặn trong tuần này do các cuộc biểu tình phản đối chính phủ đã làm giảm dòng hàng hóa tới các cảng, theo liên đoàn cà phê Colombia.

• Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 0,22 US cent hay 1,3% lên 17,21 US cent/lb, phục hồi một phần sau khi giảm trong tuần trước. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 tăng 4,7 USD hay 1% lên 457,7 USD/tấn.

	19/5	% 19/5	18/5	% 18/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1262.49	0.78%	1252.68	-0.48%	-0.52%	0.53%
S&P 500			4127.83	-0.85%	-0.58%	-1.38%
HĐTL S&P500	4090.25	-0.80%	4123.10	-0.83%	0.78%	-1.57%
Shang- hai	3510.97	-0.51%	3529.01	0.32%	1.39%	2.76%
Euro Stoxx	3950.59	-1.37%	4005.34	-0.04%	0.08%	-1.72%

Phân tích kỹ thuật

DRC_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: DRC có đang nằm trong nhịp tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 26.0. Thanh khoản cổ phiếu đang nằm dưới ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang cho thấy dấu hiệu chuyển dần sang xu hướng tăng giá ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu đang tiếp cận dải mây Ichimoku báo hiệu nhịp tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 26.75 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 32.5. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 25.6.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

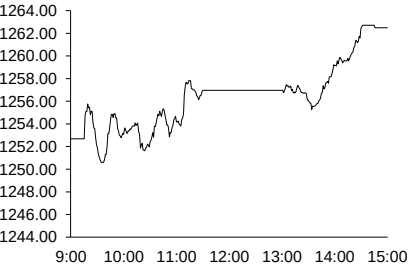
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.85%
Tài nguyên Cơ bản	2.26%
Công nghệ Thông tin	1.34%
Dầu khí	0.93%
Bán lẻ	0.20%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	-0.29%
Xây dựng và Vật liệu	-0.34%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.41%
Bảo hiểm	-0.46%
Ngân hàng	-0.50%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.65%
Y tế	-0.68%
Du lịch và Giải trí	-0.70%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.80%
Bất động sản	-1.22%
Ô tô và phụ tùng	-1.27%
Hóa chất	-1.67%

Hình 1

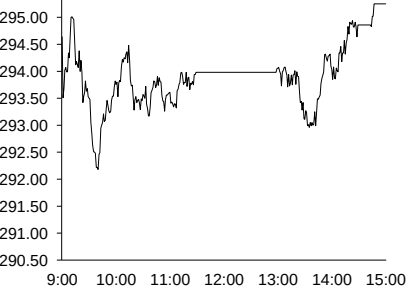
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

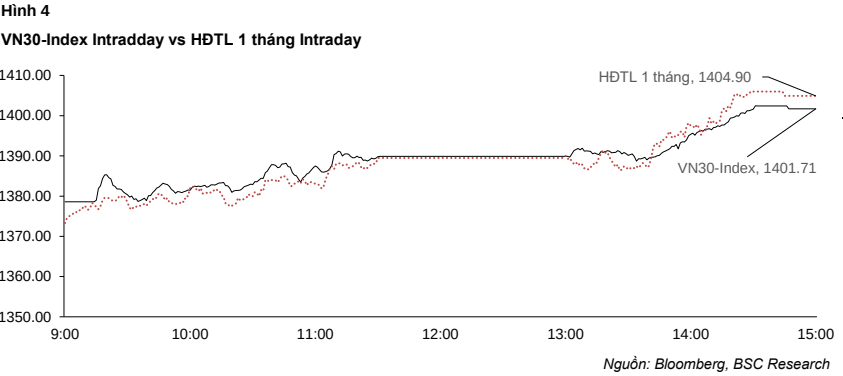
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	12.8	1	2.81%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	51.4	2	0.78%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	31.4	5	4.32%	Có thể tiếp tục mua
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	24.1	6	4.56%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	36	7	3.45%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	35.45	9	6.78%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	32.9	12	13.06%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	34.5	13	9.18%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	31.45	14	8.26%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.9	15	2.81%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	37	20	3.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.4	21	-0.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	90.8	40	10.60%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.2	86	-14.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	2	5.81%	-7.18%	3.95%	18
Cổ phiếu đã chốt	138	83	13.34%	-8.11%	5.28%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1404.90	2.17%	3.19	-14.8%	181,035	5/20/2021	3
VN30F2106	1393.00	1.83%	-8.71	118.7%	9,362	6/17/2021	31
VN30F2109	1386.00	1.83%	-15.71	9.8%	135	9/16/2021	122
VN30F2112	1380.10	1.49%	-21.61	-22.5%	93	12/16/2021	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +23.12 điểm, lên 1401.71 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, STB, VPB, NVL, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng lên trên 1400 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, , các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2109 đang giảm, trong khi VN30F2106 và VN30F2112 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2102	6/4/2021	16	1:1	612,700	42.97%	2,000	10,700	16.30%	10,537	1.02	20,000	18,000	28,500
CHPG2108	8/12/2021	85	5:1	1,342,900	33.48%	1,200	7,560	13.17%	1,735	4.36	67,868	61,868	66,100
CHPG2107	8/12/2021	85	5:1	681,200	33.48%	1,300	8,210	12.01%	1,748	4.70	65,868	59,368	66,100
CSTB2014	6/14/2021	26	1:1	323,600	42.97%	3,800	16,590	9.14%	16,541	1.00	15,800	12,000	28,500
CSTB2010	6/11/2021	23	2:1	667,200	42.97%	1,100	8,300	8.36%	8,268	1.00	14,199	11,999	28,500
CMBB2101	7/6/2021	48	2:1	446,300	33.24%	1,600	9,600	6.67%	4,336	2.21	29,200	26,000	34,500
CMBB2010	6/14/2021	26	1:1	287,900	33.24%	4,600	18,450	6.65%	18,554	0.99	20,600	16,000	34,500
CTCB2103	8/9/2021	82	2:1	346,900	35.68%	2,900	11,880	6.07%	7,511	1.58	41,300	35,500	50,100
CHPG2102	7/5/2021	47	1:1	198,600	33.48%	6,600	29,450	5.25%	25,350	1.16	47,600	41,000	66,100
CFPT2016	6/22/2021	34	5:1	503,800	29.42%	2,580	8,480	4.69%	8,204	1.03	62,900	50,000	90,800
CTCB2012	7/30/2021	72	1:1	175,000	35.68%	5,400	28,070	3.77%	28,305	0.99	27,400	22,000	50,100
CNVL2003	6/11/2021	23	10:1	1,281,700	29.93%	1,000	7,920	2.99%	7,821	1.01	73,979	63,979	142,000
CHPG2103	7/6/2021	48	2:1	329,300	33.48%	3,900	14,940	2.33%	12,181	1.23	49,800	42,000	66,100
CTCB2101	10/5/2021	139	1:1	212,300	35.68%	5,000	23,500	1.73%	9,480	2.48	36,000	31,000	50,100
CSTB2103	8/9/2021	82	2:1	597,100	42.97%	1,400	9,200	1.10%	5,354	1.72	20,800	18,000	28,500
CHPG2105	8/9/2021	82	2:1	259,800	33.48%	3,000	16,400	0.61%	12,275	1.34	48,000	42,000	66,100
CHPG2106	8/27/2021	100	2:1	321,300	33.48%	4,100	14,550	0.28%	8,379	1.74	58,400	50,200	66,100
CSTB2104	8/27/2021	100	1:1	309,800	42.97%	4,000	13,030	0.23%	6,343	2.05	26,900	22,900	28,500
CVPB2103	8/9/2021	82	2:1	524,500	36.92%	2,700	16,300	0.00%	15,694	1.04	41,900	36,500	67,500
Tổng				9,421,900	36.08%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CPDR2101 và CPDR2102 tăng mạnh lần lượt là 48.51% và 48.51%. Trái lại, CVIC2005 và CTCH2102 giảm mạnh lần lượt là -12.75% và -10.64%. Giá trị giao dịch giảm -12.03%. CNVL2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.94% thị trường.
- CVPB2102, CMBB2010, CTCB2012, CVPB2015, và CSTB2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	141.7	0.0%	1.0	2,929	3.7	9,051	15.7	3.9	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	93.5	0.0%	1.0	924	1.0	4,974	18.8	3.7	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	53.2	-1.5%	1.5	1,717	1.4	2,548	20.9	1.9	27.4%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.6	-1.2%	0.5	317	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	120.1	-0.7%	0.7	17,662	11.3	2,174	55.2	5.0	14.5%	9.0%
VRE	Bất động sản	29.4	-2.2%	1.1	2,900	15.4	1,175	25.0	2.2	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	100.4	1.5%	1.1	14,359	12.4	7,874	12.8	3.6	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	23.2	0.0%	1.3	522	5.4	(61)		1.8	33.7%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	36.0	2.1%	1.5	1,011	25.3	2,776	13.0	2.0	45.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	73.0	1.4%	1.0	528	7.1	5,703	12.8	2.5	21.9%	22.1%
HCM	Chứng khoán	35.5	2.8%	1.5	470	7.1	2,462	14.4	2.3	47.9%	16.4%
FPT	Công nghệ	90.8	4.4%	0.9	3,115	11.1	4,718	19.2	4.3	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.3	-0.3%	0.4	908	0.1	5,165	14.8	4.4	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	81.6	-0.5%	1.3	6,790	1.1	3,946	20.7	3.1	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	54.2	0.4%	1.5	2,931	6.7	2,915	18.6	2.9	15.7%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.3	-2.3%	1.6	443	3.5	1,375	15.5	0.8	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.1	-2.6%	0.8	2,036	4.6	(909)	N/A N/A	1.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	96.0	0.0%	0.4	546	0.1	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.2	-1.9%	0.7	310	1.2	1,928	9.4	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.7	0.3%	0.6	383	1.9	1,122	14.8	1.4	3.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	94.1	-0.5%	1.1	15,174	6.9	5,709	16.5	3.5	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.9	0.0%	1.3	7,152	5.1	2,048	20.0	2.1	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	48.0	3.1%	1.3	7,771	36.0	4,765	10.1	2.0	25.7%	20.9%
VPB	Ngân hàng	67.5	0.4%	1.2	7,204	119.4	4,626	14.6	3.0	22.1%	22.5%
MBB	Ngân hàng	34.5	3.6%	1.2	4,198	43.4	3,612	9.6	1.9	23.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.6	1.0%	1.0	3,440	12.9	3,992	9.2	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.2	-0.9%	0.7	204	0.2	6,160	9.3	2.0	81.8%	20.3%
NTP	Nhựa	39.5	5.3%	0.5	202	0.9	3,988	9.9	1.7	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	18.9	-2.1%	0.7	903	0.5	39	484.6	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	66.1	4.3%	1.1	9,522	80.7	5,476	12.1	3.3	29.5%	31.3%
HSG	Thép	38.7	0.7%	1.3	748	22.6	5,405	7.2	2.1	8.5%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	87.5	0.6%	0.7	7,951	13.5	4,682	18.7	5.8	55.0%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	153.5	-0.3%	0.8	4,280	1.2	7,561	20.3	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	108.0	2.8%	1.0	5,516	9.8	1,281	84.3	7.8	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.7	-1.3%	1.2	527	1.7	1,131	17.4	1.5	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	69.0	-1.1%	0.8	6,531	0.3	577	119.6	4.0	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	110.0	-2.7%	1.1	2,590	1.7	2,256		3.9	18.9%	8.3%
HVN	Vận tải	26.7	-1.5%	1.7	1,646	0.8	(9,327)		26.3	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	37.9	0.3%	1.0	497	3.1	1,246	30.4	1.9	39.7%	6.2%
PVT	Vận tải	16.2	-1.2%	1.3	227	1.2	2,281	7.1	1.0	12.8%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.1	0.2%	1.0	627	0.9	8,479	10.6	3.4	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	32.6	-0.9%	0.4	635	0.2	1,604	20.3	2.2	6.4%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	-2.6%	0.9	248	1.0	1,566	9.5	1.0	3.0%	11.0%
CTD	Xây dựng	54.3	-0.4%	1.0	175	0.9	3,352	16.2	0.5	44.7%	3.0%
CII	Xây dựng	20.3	2.8%	0.5	211	2.3	56	364.9	1.0	29.2%	0.2%
REE	Điện	55.0	-0.9%	-1.4	739	0.9	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	24.7	-1.2%	-0.4	205	0.3	2,371	10.4	1.2	11.2%	13.2%
POW	Điện	11.7	-2.5%	0.6	1,191	8.7	1,037	11.3	0.9	3.3%	8.6%
NT2	Điện	19.3	-3.0%	0.5	242	0.4	1,872	10.3	1.3	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	32.5	0.6%	1.0	664	5.2	1,639	19.8	1.5	19.8%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	53.9	0%	0.9	2,426	0.0			3.4	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	66.10	4.26	2.38	28.41MLN
TCB	50.10	3.62	1.63	17.47MLN
CTG	48.00	3.11	1.44	17.47MLN
VHM	100.40	1.52	1.34	2.87MLN
MSN	108.00	2.76	0.91	2.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.81	2.18MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.49	1.68MLN	607060
VJC	0.00	-0.43	362700	373600
VRE	0.00	-0.40	12.03MLN	192700
GAS	0.00	-0.20	299500	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KMR	5.36	6.99	0.01	2.92MLN
AGM	31.40	6.98	0.01	104600
DXV	5.83	6.97	0.00	23400
FIT	10.75	6.97	0.05	4.67MLN
DCL	31.55	6.95	0.03	256300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	34.40	-6.90	-0.05	32700
HAS	13.50	-6.90	0.00	10100
YEG	20.40	-6.85	-0.01	520300.00
GIL	66.70	-6.84	-0.05	1.30MLN
TGG	4.91	-6.83	0.00	1.36MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VND	42.80	4.14	0.40	3.99MLN
SHS	31.40	4.32	0.37	12.21MLN
SHB	29.40	0.34	0.22	26.02MLN
HUT	6.30	8.62	0.18	7.46MLN
VC3	21.50	6.97	0.12	19200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	16.80	-2.33	-0.24	8.36MLN
BAB	25.00	-0.79	-0.18	26900
PVS	21.30	-2.29	-0.17	3.79MLN
PAN	24.20	-2.42	-0.06	819200
KLF	5.40	-3.57	-0.05	7.66MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

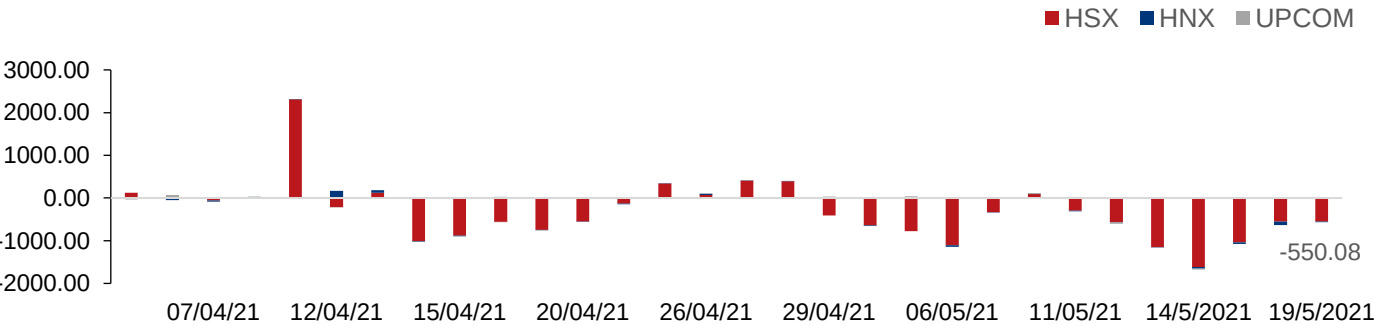
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	49.50	10.0	0.01	700
DNC	56.40	9.9	0.01	100
THS	46.90	9.8	0.01	2600
QHD	35.80	9.8	0.02	100
TPP	11.20	9.8	0.01	3800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	5.40	-10.00	-0.03	4.19MLN
VE3	7.30	-9.88	0.00	1300
ADC	23.80	-9.85	-0.01	100
VTL	14.90	-9.70	-0.01	200
V21	5.60	-9.68	-0.01	3700

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.1	1,400	10.8	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.6	3,992	9.2	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.0	577	119.6	4.0	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.1	3,834	7.1	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	48.0	4,765	10.1	2.0	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	54.0	13,880	3.9	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	67.5	5,505	12.3	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	135.5	7,653	17.7	4.6	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.2	1,928	9.4	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.8	2,379	11.2	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.2	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	90.8	4,718	19.2	4.3	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	37.9	1,246	30.4	1.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.0	7,082	5.8	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	66.1	5,476	12.1	3.3	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	38.7	5,405	7.2	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.0	1,566	9.5	1.0	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.5	1,639	19.8	1.5	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	35.8	2,140	16.7	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.6			1.7	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.0	3,258	10.7	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	108.0	1,281	84.3	7.8	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	141.7	9,051	15.7	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	37.0	4,008	9.2	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	51.0	7,080	7.2	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	23.7	2,120	11.2	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	93.5	4,974	18.8	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	11.7	1,037	11.3	0.9	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.0	0	130.1	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.3	1,375	15.5	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	153.5	7,561	20.3	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.7	1,131	17.4	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.1	4,074	12.3	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.1	5,709	16.5	3.5	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.9	4,166	9.8	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.7	570	25.8	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	37.9	3,837	9.9	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.5	4,682	18.7	5.8	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	100.4	7,874	12.8	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.4	1,091	23.2	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.7	600	16.2	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	129.8	9,476	13.7	6.1	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	67.5	4,626	14.6	3.0	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	29.4	1,175	25.0	2.2	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	84.7	4,060	20.9	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639